SỞ Y TẾ BẮC GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 177 /TM-BVĐKT

Bắc Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

Kính gửi: Các Công ty cung ứng thuốc

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang có nhu cầu tiếp nhận Báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các vị thuốc cổ truyền với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu Báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Báo giá theo mẫu Phụ lục 02 đính kèm.

- Báo giá được gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc tới Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ nhận báo giá: Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang (Đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang).

Lưu ý: Nội dung thư ghi rõ: ***"Công ty… gửi Báo giá Vị thuốc cổ truyền theo Thư mời số…/TM-BVĐKT"***

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày 07/5/2025 đến hết ngày 20/5/2025.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

Danh mục cần báo giá: Theo Phụ lục 01 đính kèm theo Thư mời này.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý công ty!

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- Website BV (đăng TB);
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC GIANG

Thân Trọng Hưng

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Thư mời số 177 /TM-BVĐKT ngày 06 /5/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang)

STT	STT theo TT 05	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng làm thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
1	1	Bạch chỉ	2	Rễ	*Radix Angelicae dahuricae*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
2	6	Quế chi	2	Cành	*Ramulus Cinnamomi*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
3	11	Tế tân	2	Rễ	*Radix et Rhizoma Asari*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
4	16	Cát căn	2	Rễ	*Radix Puerariae thomsonii*	Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
5	21	Sài hồ	2	Rễ	*Radix Bupleuri*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
6	26	Dây đau xương	2	Thân gỗ	*Caulis Tinosporae tomentosae*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20

STT	STT theo TT 05	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng làm thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
7	31	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	2	Quả	*Fructus Xanthii strumarii*	Sao cháy gai	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
8	36	Khương hoạt	2	Thân rễ	*Rhizoma et Radix Notopterygii*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
9	41	Phòng phong	2	Rễ	*Radix Saposhnikoviae divaricatae*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
10	46	Tang ký sinh	2	Phần trên mặt đất	*Herba Loranthi gracilifolii*	Thái đoạn	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
11	51	Tần giao	2	Rễ	*Radix Gentianae macrophyllae*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
12	56	Thiên niên kiện	2	Thân rễ	*Rhizoma Homalomenae occultae*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
13	61	Uy linh tiên	2	Rễ	*Radix et Rhizoma Clematidis*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15

STT	STT theo TT 05	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng làm thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
14	66	Quế nhục	2	Vỏ thân	*Cortex Cinnamomi*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	15
15	71	Bồ công anh	2	Phần trên mặt đất	*Herba Lactucae indicae*	Thái ngắn	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
16	76	Kim ngân hoa	2	Nụ hoa	*Flos Lonicerae*	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
17	81	Liên kiều	2	Quả	*Fructus Forsythiae*	Bỏ hạt	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
18	86	Thổ phục linh	2	Thân rễ	*Rhizoma Smilacis glabrae*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
19	91	Huyền sâm	2	Rễ	*Radix Scrophulariae*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
20	96	Bạch mao căn	2	Thân rễ	*Rhizoma Imperatae cylindricae*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
21	101	Xích thược	2	Rễ	*Radix Paeoniae*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20

STT	STT theo TT 05	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng làm thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
22	106	Xuyên bối mẫu	3	Thân hành	*Bulbus Fritillariae*	Phơi hoặc sấy đến khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
23	111	Câu đằng	2	Cành	*Ramulus cum unco Uncariae*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
24	116	Thiên ma	2	Thân rễ	*Rhizoma Gastrodiae elatae*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
25	121	Phục thần	2	Nấm	*Poria*	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
26	126	Táo nhân	2	Hạt	*Semen Ziziphi mauritianae*	Sao đen	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
27	131	Viễn chí	2	Rễ	*Radix Polygalae*	Sao cám hoặc chích cam thảo	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
28	136	Chỉ xác	2	Quả	*Fructus Aurantii*	Sao cám	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
29	141	Hậu phác nam	2	Vỏ thân	*Cortex Cinnamomi iners*	Chích gừng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10

STT	STT theo TT 05	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng làm thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
30	146	Sa nhân	2	Quả	*Fructus Amomi*	Sơ chế	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
31	151	Trần bì	2	Vỏ quả	*Pericarpium Citri reticulatae perenne*	Sao vàng hoặc sao cháy	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
32	156	Đan sâm	2	Rễ	*Radix Salviae miltiorrhizae*	Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
33	161	Đào nhân	2	Hạt	*Semen Pruni*	Sao vàng giữ vỏ	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
34	166	Hồng hoa	2	Hoa	*Flos Carthami tinctorii*	Sấy khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5
35	171	Kê huyết đằng	2	Thân gỗ	*Caulis Spatholobi*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
36	176	Ngưu tất	2	Rễ	*Radix Achyranthis bidentatae*	Chích rượu hoặc chích muối	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
37	181	Xuyên khung	2	Thân rễ	*Rhizoma Ligustici wallichii*	Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20

STT	STT theo TT 05	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng làm thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
38	186	Trạch tả	2	Thân rễ	*Rhizoma Alismatis*	Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
39	191	Lục thần khúc	2	Bột	*Massa medicata fermentata*	Làm sạch	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
40	196	Sơn tra	2	Quả	*Fructus Mali*	Sao qua hoặc sao đen	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
41	201	Thương truật	2	Thân rễ	*Rhizoma Atractylodis*	Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
42	206	Liên nhục	2	Hạt	*Semen Nelumbinis*	Sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
43	211	Bạch thược	2	Rễ	*Radix Paeoniae lactiflorae*	Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
44	216	Đương quy (Toàn quy)	2	Rễ	*Radix Angelicae sinensis*	Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30
45	221	Hà thủ ô đỏ	2	Rễ	*Radix Fallopiae multiflorae*	Chế đậu đen	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20

STT	STT theo TT 05	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng làm thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
46	226	Long nhãn	2	Cùi quả	*Arillus Longan*	Sấy	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
47	231	Thục địa	2	Rễ	*Radix Rehmanniae glutinosae*	Chế gừng, sa nhân	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
48	236	Mạch môn	2	Rễ	*Radix Ophiopogonis japonici*	Bỏ lõi/ hoặc sao vàng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
49	241	Sa sâm	2	Rễ	*Radix Glehniae*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
50	246	Thiên môn đông	2	Rễ	*Radix Asparagi cochinchinensis*	Bỏ lõi	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
51	251	Ba kích	2	Rễ	*Radix Morindae officinalis*	Chích cam thảo	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
52	256	Tục đoạn	2	Rễ	*Radix Dipsaci*	Chích rượu	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	40
53	261	Bạch truật	2	Thân rễ	*Rhizoma Atractylodis macrocephalae*	Sao cám mật ong	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	30

STT	STT theo TT 05	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng làm thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
54	266	Cam thảo	2	Rễ	*Radix Glycyrrhizae*	Chích mật ong	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	10
55	271	Đại táo	2	Quả	*Fructus Ziziphi jujubae*	Phơi, sấy khô	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	40
56	276	Đảng sâm	2	Rễ	*Radix Codonopsis*	Chích gừng	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	40
57	281	Hoài sơn	2	Rễ củ	*Tuber Dioscoreae persimilis*	Sao cám	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	20
58	286	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	2	Rễ	*Radix Astragali membranacei*	Chích mật ong	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	40
59	335	Nhân sâm	2	Rễ	*Radix Ginseng*	Thái phiến	Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Dược điển Việt Nam V	Kg	5

Tổng cộng: 59 danh mục

Phụ lục 02

(Kèm theo Thư mời số /TM-BVĐKT ngày /5/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang)

TÊN CÔNG TY:
ĐỊA CHỈ:

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Thư mời báo giá số /TM-BVĐKT ngày /5/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang, Công ty… báo giá các vị thuốc cổ truyền có khả năng cung ứng như sau:

STT	STT theo TT 05	Tên vị thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng làm thuốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Đơn vị trúng thầu/ ngày công bố KQTT
Tổng cộng: khoản													

Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.

....., ngày ..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]